

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TÂN CHÂU
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 31/2020/HS-ST

Ngày: 02/7/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Trường Vũ.
2. Ông Nguyễn Thanh Tuấn.

Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Hữu Lợi - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Phan Hoàng Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 7 năm 2020, tại Trụ sở Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Xương, thị xã Tân Châu, Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 30/2020/HSST ngày 28 tháng 5 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn P, sinh năm 1983; Nơi sinh: TC – AG; Nơi cư trú (ĐKHKT): Tổ 02, khóm LT C, phường LH, thị xã TC, tỉnh AG; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: Không biết chữ; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Đạo Cao Đài; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1955 (chết) và bà Lâm Thị Đ, sinh năm 1958; Chưa có vợ con.

Tiền sự: Ngày 23/8/2017, bị Tòa án nhân dân thị xã TC, áp dụng biện pháp xử lý hành chính, đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời hạn 18 tháng, về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”. Đến ngày 01/10/2018, chấp hành xong Quyết định.

Tiền án: không.

Bị cáo bị tạm giam ngày 08/4/2020 cho đến nay; Có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Tấn U, sinh ngày 25/11/1992; Nơi sinh: TC – AG; Nơi cư trú (ĐKHKT): Khóm LT C, phường LH, thị xã TC, tỉnh AG; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 3/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Đạo Phật; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn H (chết) và bà Đỗ Thị T, sinh năm 1958; Chưa có vợ con.

Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giam ngày 09/4/2020 cho đến nay; Có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Ông Lý Văn Đ, sinh năm 1963; Địa chỉ: Khóm LT D, phường LT, thị xã TC, tỉnh AG, có mặt.

Người làm chứng:

- Anh Nguyễn Nhật T, vắng mặt;
- Chị Phạm Thị Ngọc K, vắng mặt;
- Ông Nguyễn Trọng L, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt:

Vào khoảng 00 giờ ngày 27/02/2020, Nguyễn Văn P đi bộ từ nhà của P thuộc khóm LT C, phường LT đến khu vực khóm TL D, phường LT, thị xã TC, tỉnh AG để tìm tài sản lấy trộm. Tại đây, P nhìn thấy có một căn nhà đang xây dựng, P liền đột nhập vào căn nhà này để tìm tài sản lấy trộm. Khi vào bên trong, do không có tài sản để lấy trộm nên P nhìn qua căn nhà bên cạnh (sát vách căn nhà P đang tìm tài sản lấy trộm), thấy có 01 giỏ xách bằng nhựa màu xanh, bên trong giỏ xách có 01 mỏ lết bằng kim loại, 01 dụng cụ đục sắt bằng kim loại, 01 cây búa cán bằng gỗ, 01 cây kiềm bằng kim loại, 01 cây kéo bằng kim loại, 01 cây kéo cắt ống nhựa bằng kim loại, 01 máy cắt gạch sử dụng điện, 01 máy phá bê tông sử dụng điện và 01 máy khoan tường sử dụng điện của ông Lý Văn Đ, P lấy trộm giỏ xách, bên trong có các vật dụng nêu trên đi về nhà. Trên đường đi đến khu vực khóm LT C, phường LH, thị xã TC, P giấu giỏ xách vừa lấy trộm được dưới sàn của chiếc xe đẩy đang đậu cặp lề đường. Đến khoảng 00 giờ 30 phút cùng ngày, P đi đến nhà của Nguyễn Tấn U thuộc khóm LT C, phường LH, thị xã TC để kêu bán cho U 01 máy cắt gạch, 01 máy khoan tường và 01 máy phá bê tông. Khi nghe P kêu bán các tài sản nêu trên, U biết các tài sản này là do P lấy trộm mà có nhưng U vẫn đồng ý mua. Sau đó, P đi đến nơi để giỏ xách, lấy các tài sản trên đến bán cho U, P bán máy cắt gạch và máy khoan tường với giá 300.000 đồng, còn máy phá bê tông bán với giá 400.000 đồng. Tổng cộng: 700.000 đồng. Sau đó, U đem các tài sản vừa mua được của P, giấu trong nhà của U. Riêng P đem giỏ xách màu xanh và các tài sản còn lại đem về nhà cất giấu. Sau đó, hành vi của P và U bị phát hiện nên Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thị xã TC mời P và U về trụ sở để làm việc. Tại đây, P và U đã thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung vụ án đã nêu trên.

Vật chứng thu giữ trong vụ án gồm:

- 01 (một) giỏ xách bằng nhựa, màu xanh.
- 01 (một) mỏ lết cầm tay, bằng kim loại, màu xanh, dài 30 cm.
- 01 (một) dụng cụ đục sắt, bằng kim loại, màu đen, dài 29 cm.

- 01 (một) cây búa, cán bằng gỗ, màu nâu, dài 23 cm.
- 01 (một) cây kiểm cầm tay, bằng kim loại, cán màu xanh, dài 20 cm.
- 01 (một) cây kéo bằng kim loại, cán màu đen, dài 22 cm.
- 01 (một) cây kéo cắt ống nhựa, bằng kim loại, màu xanh, dài 20 cm.
- 01 (một) máy cắt gạch, loại cầm tay, có vỏ bằng nhựa màu vàng - đen.
- 01 (một) máy phá bê tông, loại cầm tay, bằng kim loại, màu xanh, trên thân máy có chữ DCA.
- 01 (một) máy khoan tường, sử dụng điện, loại cầm tay, bằng kim loại, màu đỏ, trên thân máy có chữ EG.

(Tất cả đã qua sử dụng và ông Lý Văn Đ đã nhận lại tài sản bị mất trộm)

Kết luận định giá tài sản số 08/KL-TTHS ngày 03/3/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thị xã TC:

- 01 giỏ xách bằng nhựa, màu xanh. Giá trị còn lại, trị giá: 20.000 đồng.
- 01 mỏ lết cầm tay, bằng kim loại, màu xanh, dài 30 cm. Giá trị còn lại, trị giá: 200.000 đồng.
- 01 dụng cụ đục sắt, bằng kim loại, màu đen, dài 29 cm. Giá trị còn lại, trị giá: 50.000 đồng.
- 01 cây búa, cán bằng gỗ, màu nâu, dài 23 cm. Giá trị còn lại, trị giá: 50.000 đồng.
- 01 cây kiểm cầm tay, bằng kim loại, cán màu xanh, dài 20 cm. Giá trị còn lại, trị giá: 200.000 đồng.
- 01 cây kéo bằng kim loại, cán màu đen, dài 22 cm. Giá trị còn lại, trị giá: 70.000 đồng.
- 01 cây kéo cắt ống nhựa, bằng kim loại, màu xanh, dài 20 cm. Giá trị còn lại, trị giá: 180.000 đồng.
- 01 máy cắt gạch, loại cầm tay, có vỏ bằng nhựa màu vàng - đen. Giá trị còn lại, trị giá: 600.000 đồng.
- 01 máy phá bê tông, loại cầm tay, bằng kim loại, màu xanh, trên thân máy có chữ DCA. Giá trị còn lại, trị giá: 2.000.000 đồng.
- 01 máy khoan tường, sử dụng điện, loại cầm tay, bằng kim loại, màu đỏ, trên thân máy có chữ EG. Giá trị còn lại, trị giá: 1.200.000 đồng.

Tổng cộng: 4.570.000 đồng.

Bị hại ông Lý Văn Đ và các người làm chứng anh Nguyễn Nhật T, chị Phạm Thị Ngọc K, ông Nguyễn Trọng L trình bày phù hợp với nội dung vụ án đã nêu. Hiện, ông Đ đã nhận lại các tài sản bị mất trộm, ông không yêu cầu bị cáo P phải bồi thường.

Cáo trạng số 33/CT-VKSTC ngày 27 tháng 5 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân thị xã TC đã truy tố Nguyễn Văn P về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự và Nguyễn Tấn U về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” theo khoản 1 Điều 323 Bộ hình sự.

Tại phiên tòa,

- Các bị cáo khai nhận đã thực hiện hành vi như cáo trạng Viện Kiểm sát truy tố. Bị cáo P khai mục đích lấy trộm để bán lấy tiền tiêu xài cá nhân và mua ma túy sử dụng. Mục đích bị cáo U mua tài sản của bị cáo P do bị cáo P lấy trộm mà có để sửa lại nhà tắm và sân nước phía sau nhà của bị cáo U. Bị cáo U không yêu cầu bị cáo P hoàn trả lại số tiền 700.000 đồng.

- Bị hại ông Lý Văn Đ giữ nguyên lời khai giai đoạn điều tra, ông Đ đã nhận lại tài sản bị mất trộm và không có yêu cầu bồi thường thiệt hại.

- Kiểm sát viên trình bày lời luận tội:

Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại và người làm chứng cùng các vật chứng được thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên có cơ sở xác định bị cáo P có hành vi lợi dụng sự sơ hở, lén lút chiếm đoạt tài sản của ông Đ và bị cáo U biết tài sản trộm mà vẫn tiêu thụ. Các bị cáo đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp, xâm hại đến quyền sở hữu của ông Đ và gây mất an ninh trật tự tại địa phương nên đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự và tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” theo khoản 1 Điều 323 Bộ hình sự. Vì vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã TC truy tố đối với các bị cáo là đúng người, đúng tội; Giữ nguyên nội dung cáo trạng truy tố.

Tài sản đã thu hồi được trả lại cho bị hại và bị hại không có yêu cầu khác đối bị cáo P nên không đề cập trong vụ án.

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Các bị cáo có trình độ học vấn thấp nên hiểu biết pháp luật có phần hạn chế. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử có xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo trong khi lượng hình.

Về hình phạt, đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn P từ 01 (một) năm tù đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù;

Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Bị cáo Nguyễn Tấn U từ 06 (sáu) tháng tù đến 09 (chín) tháng tù.

Về hình phạt bổ sung, đề nghị không áp dụng đối với các bị cáo do các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu khác và bị cáo U không yêu cầu bị cáo P trả lại tiền nên không đề cập xem xét.

Trong phần tranh luận, các bị cáo không tranh luận với đại diện Viện kiểm sát, đồng ý theo Quyết định truy tố và quan điểm luận tội của Viện kiểm sát, không có ý kiến khác.

Các bị cáo nói lời sau cùng, xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về tố tụng,

[1] Thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị cáo Nguyễn Văn P bị Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an thị xã TC khởi tố về tội “*Trộm cắp tài sản*” và bị cáo Nguyễn Tấn U bị Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an thị xã TC khởi tố về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” xảy ra tại khu vực khóm Long Thị D, phường LT, thị xã TC nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã TC, tỉnh AG.

[2] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thị xã TC, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thị xã TC, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Quá trình khởi tố, điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến khiếu nại nên về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp.

[4] Sự vắng mặt người làm chứng Nguyễn Nhật T, Phạm Thị Ngọc K, Nguyễn Trọng L đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt. Tuy nhiên, đã có lời khai trong hồ sơ vụ án, việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự quyết định vẫn tiến hành xét xử.

Về nội dung,

[5] Hành vi phạm tội:

Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của từng bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố.

Ngoài ra, lời khai của bị cáo P còn phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác gồm: Biên bản khám nghiệm hiện trường, bản ảnh, sơ đồ hiện trường do cơ quan có thẩm quyền lập; Vật chứng thu giữ là 01 giỏ xách bằng nhựa, màu xanh, 01 mô lết cầm tay, bằng kim loại, màu xanh, dài 30 cm, 01 dụng cụ đục sắt, bằng kim loại, màu đen, dài 29 cm, 01 cây búa, cán bằng gỗ, màu nâu, dài 23 cm, 01 cây kiềm cầm tay, bằng kim loại, cán màu xanh, dài 20 cm, 01 cây kéo bằng kim loại, cán màu đen, dài 22 cm, 01 cây kéo cắt ống nhựa, bằng kim loại,

màu xanh, dài 20 cm, 01 máy cắt gạch, loại cầm tay, có vỏ bằng nhựa màu vàng – đen, 01 máy phá bê tông, loại cầm tay, bằng kim loại, màu xanh, trên thân máy có chữ DCA, 01 máy khoan tường, sử dụng điện, loại cầm tay, bằng kim loại, màu đỏ, trên thân máy có chữ EG cùng lời khai của ông Lý Văn Đ về việc bị mất tài sản.

Từ các chứng cứ trên, có cơ sở xác định, do bị cáo P cần tiền tiêu xài và mua ma túy sử dụng nên khi phát hiện bị hại sơ hở trong việc bảo quản tài sản, bị cáo P đã lén lút chiếm đoạt tài sản của bị hại, trị giá 4.570.000 đồng theo Kết luận định giá số 08/KL-TTHS, ngày 03/3/2020 của Hội đồng định giá tài sản.

Bị cáo P là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của ông Đ là xâm phạm quyền sở hữu của người khác nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện thông qua việc lợi dụng lúc đêm khuya, không có người trông coi tài sản và sau khi lấy trộm mang tài sản đi nơi khác tiêu thụ. Vì vậy, hành vi của bị cáo P đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Đối với bị cáo U, mặc dù biết 01 máy cắt gạch, loại cầm tay, có vỏ bằng nhựa màu vàng – đen, 01 máy phá bê tông, loại cầm tay, bằng kim loại, màu xanh, trên thân máy có chữ DCA, 01 máy khoan tường, sử dụng điện, loại cầm tay, bằng kim loại, màu đỏ, trên thân máy có chữ EG mà bị cáo P bán là tài sản do phạm tội mà có nhưng bị cáo vẫn nhận mua nên hành vi của bị cáo U đã xâm phạm đến trật tự quản lý Nhà nước đối với tài sản do phạm tội mà có. Bị cáo P và bị cáo U không bàn bạc trước việc bị cáo P chiếm đoạt tài sản của người khác. Bị cáo U là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, biết rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo U vẫn mong muốn thực hiện thông qua sự thừa nhận của bị cáo U tại phiên tòa. Vì vậy, hành vi của bị cáo U đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” được quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự.

Cho nên, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã TC truy tố các bị cáo ra trước phiên tòa hôm nay và lời buộc tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã TC tại phiên tòa là có căn cứ, đúng người, đúng tội và phù hợp với quy định của pháp luật.

Tài sản hợp pháp của công dân phải qua quá trình lao động và tích lũy lâu dài mới có được. Vì lẽ đó, quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật ghi nhận và bảo vệ. Những ai có hành vi xâm phạm quyền sở hữu của người khác, đáp ứng quy định của pháp luật hình sự sẽ bị áp dụng chế tài nghiêm khắc nhất là hình phạt.

Bị cáo P đang ở tuổi lao động, đáng lẽ phải cố gắng lao động để tạo lập tài sản chính đáng cho bản thân, bị cáo đã thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của bị hại để có tiền tiêu xài và mua ma túy sử dụng; Bị cáo U vì háo lợi, tiêu thụ tài sản do phạm tội mà có. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác, trật tự quản lý Nhà nước mà còn gây mất trật tự trị an tại địa phương.

[6] Xem xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo; Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Tài sản được thu hồi trả lại cho bị hại; Các bị cáo thuộc thành phần lao động nghèo, trình độ học vấn thấp nên hiểu biết pháp luật có phần hạn chế là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên có xem xét áp dụng, giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo khi lượng hình như quan điểm đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát.

[7] Về hình phạt bổ sung:

Các bị cáo thuộc thành phần lao động nghèo, không có nghề nghiệp ổn định, xét không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại đã nhận lại tài sản bị mất trộm, không có yêu cầu khác nên không đề cập giải quyết.

Bị cáo P đã bán tài sản lấy trộm gồm: 01 máy cắt gạch, loại cầm tay, có vỏ bằng nhựa màu vàng – đen, 01 máy phá bê tông, loại cầm tay, bằng kim loại, màu xanh, trên thân máy có chữ DCA, 01 máy khoan tường, sử dụng điện, loại cầm tay, bằng kim loại, màu đỏ, trên thân máy có chữ E cho bị cáo U với giá 700.000 đồng, bị cáo U không yêu cầu bị cáo P trả lại số tiền 700.000 đồng nên không đề cập giải quyết.

[9] Về xử lý vật chứng: Vật chứng thu giữ trong vụ án đã được giao trả cho bị hại giai đoạn điều tra và không có tranh chấp về tài sản bị mất trộm nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[10] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn P và Nguyễn Tấn U, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự;

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn P phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”;

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn P 01 (một) năm tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt của bị cáo Nguyễn Văn P được tính kể từ ngày 08/4/2020 (*tám, tháng tư, năm hai nghìn không trăm hai mươi*).

Căn cứ khoản 1 Điều 323; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự;

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Tấn U phạm tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”;

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Tấn U 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt của bị cáo Nguyễn Tấn U được tính kể từ ngày 09/4/2020 (*chín, tháng tư, năm hai nghìn không trăm hai mươi*).

Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136, Điều 333, Điều 337 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Bị cáo Nguyễn Văn P và Nguyễn Tấn U, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (*hai trăm nghìn*) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo P, U và bị hại ông Đ có mặt có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh AG xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện KSND thị xã (1);
- Viện KSND tỉnh (1);
- Tòa án nhân dân tỉnh (1);
- Sở Tư pháp (1);
- Nhà Tạm giam (1);
- Thi hành án DS thị xã (1);
- Bộ phận THA Tòa án (1);
- UBND cấp xã nơi BC cư trú (1);
- Các bị cáo; Bị hại;
- Lưu hồ sơ; Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thùy Dương